TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 02- 2025
"Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 575/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: C đường N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bị đơn: Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: 6 đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày:

Bà và ông Huỳnh Đức T qua thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố V ngày 22/12/2020. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc lừa dối, có tổ chức lễ cưới 28/02/2021. Bà và ông T có 01 con chung là Huỳnh Trần Hạ V, sinh ngày 02/08/2021.

Sau kết hôn, bà và ông T chung sống tại nhà riêng địa chỉ 6 đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giữa tháng 08/2022, hai vợ chồng cãi nhau, ông T có tát bà 01 cái và mẹ chồng can ngăn và đuổi bà ra khỏi nhà. Khoảng một tuần sau, hai vợ chồng hàn gắn và tiếp tục chung sống.

Từ khoảng tháng 10/2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn càng nhiều không có tiếng nói chung trong hôn nhân trong tất cả mọi việc, kinh tế là bà chi tiền sữa, quần áo cho con tầm 2 triệu; chồng có đóng học cho con; bà muốn chồng và bà phải chung về kinh tế để cùng lo cho con và phấn đấu mục tiêu chung nhưng nhiều lần bà đề nghị ông T không đồng ý, vì thế vợ chồng cứ tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau tình cảm bà phai nhạt dần theo thời gian; ngoài ra mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu; bà cũng đã nhờ chồng là ông Tài hóa G mâu thuẫn nhưng ông T cho rằng lỗi của bà nên không đứng về phía bà.

Từ giữa tháng 09/2024, bà có nói chuyện với chồng nhưng ông T cho rằng lỗi hoàn toàn của bà, ông T có mời gia đình hai bên về họp, gia đình chồng thì cho rằng bà sai nhưng không đồng ý cho bà ly hôn; bố mẹ bà thì muốn bà và ông T hàn gắn. Từ giữa tháng 09/2024 cho đến nay, bà đã chuyển ra ngoài sinh sống; còn ông T và con chung là cháu V là ở với ông T từ đó đến nay.

Thời gian ly thân, vợ chồng có lần tìm cách hàn gắn, cụ thể ông Tài bàn B về việc vợ chồng ra sống riêng và kinh tế là chung nhưng bà không thấy thiện chí của ông T vì ông T vẫn cho rằng lỗi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là của bà, nên cương quyết ly hôn. Bà xác nhận không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Huỳnh Đức T;

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Huỳnh Trần Hạ V, sinh ngày 02/08/2021.Bà nhường quyền nuôi con chung cho ông T và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và làm việc tại tòa, *bị đơn ông Huỳnh Đức T trình bày*:

Lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm kết hôn nêu trên là đúng.

Ông và bà Trần Tuyết N qua thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố V ngày 22/12/2020. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc lừa dối, có tổ chức lễ cưới 28/02/2021. Ông và bà N có 01 con chung là Huỳnh Trần Hạ V, sinh ngày 02/08/2021.

Sau kết hôn, ông và bà N chung sống tại nhà riêng địa chỉ 6 đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giữa tháng 08/2022, hai vợ chồng cãi nhau, ông không tát bà N mà chỉ vô tình quơ trúng vào bà N, không ai đuổi bà N ra khỏi nhà mà bà N tự ý bỏ về và sau một tuần thì vợ chồng quay về hàn gắn.

Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là khoảng tháng 08, tháng 09/2024 đến nay, theo ông là do bà N đi làm và đi chơi khuya mới về, bà N cũng không quan

tâm đến con và đến chồng. Ông có nói thì bà N không thích và vợ chồng mới xảy ra cãi vã nhau thường xuyên.

Còn mâu thuẫn giữa N và mẹ ông là mẹ ông có nhắc nhở và nói, ông có khuyên mẹ nhưng do bà N không thay đổi (ví dụ lười, sống luộm thuộm) nên mẹ ông có tiếp tục nói.

Ngày 07/09/2024, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông và bà N trở lên trầm trọng, bà N đòi ly hôn thì ông bực tức nói viết giấy ông ký nhưng sau ông suy nghĩ lại, ông có tổ chức cuộc họp gia đình hai bên mục đích là để khuyên nhủ cho vợ chồng ông hàn gắn, ông có hỏi thì bà N nói áp lực công việc ông có hỏi thì bà N kêu mệt không nói chơi game đến 2-3h sáng, ông bảo đi ngủ thì giận hờn khóc lóc nói ông không quan tâm.

Tối hôm đó, bà N bỏ đi, mấy hôm sau ông có tìm gặp bà N và nói chuyện hàn gắn gia đình: ông nói không ở được với ba mẹ thì vợ chồng ra ở riêng, hai vợ chồng cùng nuôi dạy con, tiền bạc kinh tế sẽ do vợ quản lý chi tiêu nhưng bà N không đồng ý. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông có ý kiến như sau:
Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà N và không muốn con thiếu bố hoặc mẹ; ngoài ra ông theo đạo thiên chúa, ông có lời thề là sẽ không bỏ vợ.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Huỳnh Trần Hạ V, sinh ngày 02/08/2021.Trường hợp, bà N cương quyết ly hôn, ông đồng ý là người trực tiếp nuôi con chung và ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Tuyết N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết yêu cầu ly hôn vì xác nhận không còn tình cảm với ông T. Về con chung bà nhường quyền nuôi con cho ông T và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Đức T giữ nguyên ý kiến tại tự khai và các lần làm việc tại tòa, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà N và không muốn con thiếu bố hoặc mẹ; ngoài ra ông theo đạo thiên chúa, ông có lời thề là sẽ không bỏ vợ. Về con chung: ông đồng ý nuôi con trong trường hợp tòa án chấp nhận cho bà N được ly hôn và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.Về tài sản chung nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

3.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T là có thật, mâu thuẫn trầm trọng là từ

tháng 10/2023 nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 09/2024 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng ly thân có gặp nhau tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không thành, vì vậy, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho ông T là người trực tiếp nuôi con chung và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Đức T, ông T có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Tuyết N và ông Huỳnh Đức T, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 22/12/2020 nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã là từ tháng 10/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn, cả hai vợ chồng đều xác nhận là do mâu thuẫn về kinh tế, không còn quan tâm đến nhau, ngoài ra còn do một số nguyên nhân khác; vợ chồng sống ly thân tháng 09/2024 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng ly thân có gặp nhau tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không thành.

Quá trình làm việc tại tòa án, Tòa án cũng để các bên hòa giải tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không đạt.

Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và nhận thấy khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ nên chấp nhận

[2.2] Về con chung: Bà Trần Tuyết N và ông Huỳnh Đức T xác nhận có 01 (một) con chung tên là Huỳnh Trần Hạ V, sinh ngày 22/8/2021;

Bà N nhường quyền nuôi con chung cho ông T, ông T đồng ý trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N thì ông là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét, từ khi vợ chồng ly thân con chung là được ông T là người trực tiếp chăm sóc, việc bà N nhường quyền nuôi con cho ông T là ông T đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Tuyết N phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết N với ông Huỳnh Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Tuyết N được ly hôn với ông Huỳnh Đức T;

2. Về con chung: Bà Trần Tuyết N và ông Huỳnh Đức T xác nhận có 01 (một) con chung tên là Huỳnh Trần Hạ V, sinh ngày 22/8/2021;

Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Tuyết N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004477 ngày 17-10-2024 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố V. Bà N đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tình từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát